

UBND TỈNH LÀO CAI  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP  
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025

Phụ lục 3

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025  
CẤP HỌC: TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Thông báo số /TB-HDTD ngày /12/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2025)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
										Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đinh Thị	An	09/12/1987	Nữ	Mường	DTTS	Đại học	SP Sử - Địa	Lịch sử và Địa lý	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	
2	Trần Phương	An	18/08/1991	Nữ	Kinh		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	THCS Cam Đường	Cam Đường	
3	Bạc Thị	Anh	11/03/1994	Nữ	Thái	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Kim Đồng	Sa Pa	TH&THCS Cầu Mây	Sa Pa	
4	Nghiêm Đức	Anh	14/11/2003	Nam	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	THCS Ngô Văn Sở	Lào Cai	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương	
5	Nguyễn Ngọc	Anh	19/09/2000	Nữ	Mường	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Sơn Thịnh	Văn Chấn	THCS Suối Giàng	Văn Chấn	
6	Trần Minh	Anh	01/06/1999	Nữ	Kinh		Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Phìn Ngan	Bát Xát	THCS Bản Vược	Bát Xát	
7	Vũ Minh	Anh	14/09/2001	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	
8	Vũ Thị Mai	Anh	22/11/2002	Nữ	Kinh		Đại học	SP Sinh học (CC KHTN)	KHTN	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	THCS Cát Thịnh	Cát Thịnh	
9	Vũ Thủy	Anh	25/09/1993	Nữ	Kinh		ThS/ Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	TH&THCS Tân Lập	Tân Lĩnh	
10	Mai Thị Hoài	Anh	28/01/2003	Nữ	Kinh		Đại học	Toán học	Toán	THCS số 2 Võ Lao	Võ Lao	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	
11	Nguyễn Việt	Anh	19/04/1999	Nam	Kinh		Đại học	Công nghệ thông tin	Tin học	PTDTBT THCS La Pan Tản	Cao Sơn			
12	Nguyễn Mai	Anh	16/09/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Tả Phìn	Tả Phìn	PTDTBT THCS Trung Chải	Tả Phìn	
13	Dương Thị Ngọc	Ánh	03/04/1996	Nữ	Kinh		Đại học	Hóa học	Hóa học	THCS Bản Phiệt	Lào Cai			
14	Đặng Ngọc	Ánh	28/11/2000	Nữ	Dao	DTTS	Đại học	SP Âm nhạc	Âm nhạc	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	
15	Lò Thị Ngọc	Ánh	08/09/1994	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	THCS Trần Phú	Thượng Bằng La			
16	Nguyễn Ngọc	Ánh	10/08/1986	Nam	Kinh		Đại học	SP Kỹ Thuật công nghệ	KTCN	THCS số 1 Thương Hà	Thương Hà	PT DTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	
17	Phùng Thị Ngọc	Ánh	04/11/1994	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Văn Hối	Việt Hồng	
18	Trần Ngọc	Ánh	25/05/2000	Nữ	Kinh		Đại học	NN Anh (NVSP THCS)	Tiếng Anh	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	
19	Vũ Minh	Ánh	14/09/2001	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Xuân Ái	Xuân Ái	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	
20	Ngô Thị	Bách	18/08/2001	Nữ	Kinh		Đại học	SP KHTN	KHTN	THCS Mậu A	Mậu A			
21	Bạch Thái	Bằng	31/08/1991	Nam	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	
22	Trần Ánh Ngọc	Bích	04/02/2002	Nữ	Kinh		Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	
23	Vương Thị	Bích	10/06/1990	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	Ngôn ngữ Anh (NVSP)	Tiếng Anh	THCS Cán Cầu	Si Ma Cai	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	
24	Giảng Thị	Ca	08/04/1999	Nữ	Mông	DTTS	Đại học	NN Anh (CD SP T.Anh)	Tiếng Anh	PT DTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mù Cang Chải	PT DTBT THCS Lao Chải	Lao Chải	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
25	Hà Thị Cẩm	02/10/1990	Nữ	Mường	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	PT DTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PT DTBT THCS Lũng Khấu Nhìn	Cao Sơn	
26	Lỗ A Cánh	20/05/1997	Nam	Mông	DTTS	Đại học	SPLịch sử	Lịch sử	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT THCS Cao Sơn	Cao Sơn	
27	Hoàng Thị Châm	12/05/1994	Nữ	Kinh		Đại học	GDCD	GDCD	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	
28	Hoàng Bình Chánh	11/03/1987	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	TH&THCS số 2 Cầm Nhân	Cầm Nhân	
29	Vàng Thị Chao	18/08/2001	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Bản Cái	Cốc Lầu	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	
30	Phan Thị Châu	06/06/1992	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Nguyễn Quang Bích	Nghĩa Lộ	
31	Nguyễn Thị Châu	27/10/1991	Nữ	Dao	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS Đồng Cường	Đồng Cường	
32	Đình Thị Mai Chi	18/10/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Đào Thịnh	Trần Yên	THCS Quang Trung	Yên Bái	
33	Nguyễn Quỳnh Chi	11/10/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Đồng Khê	Văn Chấn	TH&THCS Lê Hồng Phong	Nghĩa Lộ	
34	Hoàng Thị Chiêu	01/12/1994	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Toán - Lý	Toán	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	
35	Cổ Thị Chín	11/09/1993	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT TH&THCS Bản Phụng	Bản Hồ	
36	Vũ Thị Việt Chinh	25/03/1994	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Khánh Yên Hạ	Khánh Yên	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	
37	Hạng A Chù	13/06/1992	Nam	H'mông	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS Tung Chung Phố	Mường Khương	PT DTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	
38	Nguyễn Xuân Chường	06/02/1995	Nam	Kinh		Đại học	SP Địa lý	Địa lý	PT DTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	PTDTBT THCS Thanh Bình	Mường Khương	
39	Hoàng Thị Bích Chuyên	21/07/1993	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Văn - GDCD	GDCD	TH&THCS Vĩnh Lạc	Mường Lai	TH&THCS số 2 Cầm Nhân	Cầm Nhân	
40	Mai Thị Chuyên	27/08/1988	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Khánh Yên Hạ	Khánh Yên	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	
41	Hờ A Cộn	16/04/2001	Nam	Mông	DTTS	Đại học	Giáo dục công dân	GDCD	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	
42	Hoàng Văn Cự	16/09/1992	Nam	Tày	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	
43	Sộng A Cùa	15/05/1999	Nam	Mông	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PT DTBT TH&THCS Chế Tạo	Chế Tạo			
44	Lò Thị Cúc	12/08/1993	Nữ	Thái	DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Tà Phìn	Tà Phìn	PTDTBT TH&THCS Tà Van	Tà Van	
45	Lý Thị Hoa Cúc	05/09/1996	Nữ	Mông	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	THCS Cán Cầu	Sí Ma Cai	
46	Vàng Văn Cương	20/12/1994	Nam	Nùng	DTTS	Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	THCS Cán Cầu	Sí Ma Cai	
47	Bùi Văn Cường	02/04/1988	Nam	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Việt Cường	Việt Hồng	
48	Lũng Lưu Cường	14/10/1986	Nam	Nùng	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	PT DTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mù Cang Chải	PT DTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	
49	Hồ A Đản	08/02/1995	Nam	Giáy	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý			
50	Trần Công Danh	12/11/2002	Nam	Kinh		Đại học	SP Hóa học	Hóa học	PTDTBT THCS Nậm Đét	Bảo Nhai	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	Dền Sáng	
51	Phạm Thị Thủy Đạt	30/01/1993	Nữ	Kinh		Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	THCS Kim Đồng	Sa Pa	TH&THCS Cầu Mây	Sa Pa	
52	Hồ Thị Dên	03/05/1998	Nữ	Bru (Vân Kiều)	DTTS	Đại học	Giáo dục chính trị	GDCD	PTDTBT THCS Phìn Ngan	Bát Xát	PTDTBT TH&THCS Bản Phụng	Bản Hồ	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
53	Và A Dénh	19/09/1999	Nam	H'mông	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PT DTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PT DTBT TH&THCS Bản Phùng	Bản Hồ	
54	Hoàng Minh Dị	10/10/1993	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Tô Mậu	Khánh Hòa	TH&THCS Vĩnh Lạc	Mường Lai	
55	Hoàng Thị Hương Diễm	02/06/1990	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	TH&THCS Chợ Chậu	Bản Lầu	
56	Trần Thị Diễm	28/11/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Bạch Hà 2	Thác Bà	THCS Động Quan	Khánh Hòa	
57	Nông Kiều Diễm	31/03/2003	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Tin học	Tin học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS Kim Sơn	Bảo Hà	
58	Vũ Đình Diệm	10/06/1991	Nam	Kinh		Đại học	SP Hóa học	Hóa học	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh			
59	Sa Thị Diễm	08/07/1992	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Suối Bu	Văn Chấn	THCS Sơn Thịnh	Văn Chấn	
60	Tô Thị Diệp	01/07/1991	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Trần Phú	Thượng Bằng La	TH&THCS Thượng Bằng La	Thượng Bằng La	
61	Hà Thị Diệu	21/11/1986	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP KHTN	KHTN	PT DTBT THCS Lý Tự Trọng	Nậm Có	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	
62	Sân Ngọc Dinh	26/05/2003	Nữ	Hà Nhì	DTTS	Đại học	GDCD	GDCD	PT DTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PT DTBT TH&THCS Bản Phùng	Bản Hồ	
63	Phạm Hiền Dịu	17/09/2003	Nữ	Cao Lan	DTTS	Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	THCS Yên Thành	Yên Thành	
64	Sùng A Dơ	12/06/1994	Nam	Mông	DTTS	Đại học	Âm nhạc	Âm nhạc	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	Dền Sáng	PTDTBT THCS Dền Thàng	Dền Sáng	Nguyên vọng 2 đăng ký trường không có chỉ tiêu
65	Hoàng Thị Doan	03/11/1993	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Hòa Cường	Trần Yên	
66	Phan Văn Đoàn	22/12/1990	Nam	Nùng	DTTS	Đại học	SP Lịch sử (CC LS&DL THCS)	Lịch sử và Địa lý	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Mông Sơn	Bảo Ái	
67	Hoàng Đức Doanh	28/02/1999	Nam	Tày	DTTS	Đại học	Công nghệ thông tin	Tin học	PTDTBT THCS Suối Thầu	Mường Bo	TH&THCS Thanh Phú	Mường Bo	
68	Hờ Thị Dua	29/05/2003	Nữ	Mông	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PT DTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	
69	Nguyễn Trung Đức	12/09/1991	Nam	Kinh		Đại học	SP Toán-Lý	Toán	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	
70	La Thị Đức	10/08/1993	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	PTDTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương	
71	Nguyễn Thị Dung	02/05/1990	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Vật lý	Vật lý	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	
72	Đình Thủy Dung	07/01/2003	Nữ	Mường	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	PT DTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	
73	Lâm Thị Phương Dung	28/10/1993	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	TH&THCS Ba Khe	Cát Thịnh	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	
74	Nguyễn Hữu Dung	30/01/1994	Nam	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	PT DTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	PT DTBT TH&THCS Dề Xu Phình	Púng Luông	
75	Nông Thị Dung	26/04/2003	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	PT DTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	PT DTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ	
76	Tạ Thị Dung	29/02/1996	Nữ	Kinh		Đại học	Mỹ thuật	Mỹ thuật	TH&THCS Kim Sơn	Bảo Hà	PTDTBT THCS Nậm Mòn	Bắc Hà	
77	Nguyễn Lâm Dũng	05/12/2001	Nam	Kinh		Đại học	CNTT (NVSP)	Tin học	THCS Phù Nham	Trung Tâm	THCS&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	
78	Hoàng Đình Dũng	20/08/1984	Nam	Nùng	DTTS	Đại học	Công nghệ thông tin	Tin học	THCS Cán Cầu	Si Ma Cai	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	
79	Đặng Hà Dũng	24/01/1997	Nam	Tày	DTTS	Đại học	Luật (NVSP THCS)	GDCD	PT DTBT TH&THCS Chế Tạo	Chế Tạo	PT DTBT TH&THCS Hẩu Thảo	Tả Van	
80	Ma Thị Dũng	05/08/1993	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS An Phú	Mường Lai	THCS Động Quan	Khánh Hòa	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
81	Quan Văn Được	20/01/1995	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Toán-Lý	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	
82	Hoàng Văn Được	20/06/1991	Nam	Giáy	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS Tung Chung Phố	Mường Khương	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	
83	Đỗ Thùy Dương	16/04/1996	Nữ	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	THCS Ngô Văn Sở	Lào Cai	PT DTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	
84	Ngô Thùy Dương	04/09/2002	Nữ	Kinh		Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	THCS Cam Đường	Cam Đường	
85	Lưu Thùy Dương	13/09/1999	Nữ	Kinh		Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	Dền Sáng	PTDTBT THCS Dền Thàng	Dền Sáng	
86	Nguyễn Khánh Duy	20/12/2003	Nam	Kinh		Đại học	SP Vật lý	Vật lý	PT DTNT THCS Lục Yên	Lục Yên	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	
87	Hoàng Văn Duy	01/07/1995	Nam	Tày	DTTS	Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	THCS Mậu A	Mậu A	
88	Trần Nhật Duy	08/12/2001	Nam	Kinh		Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Du Hạ	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	
89	Nguyễn Thị Bích Duyên	12/11/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	
90	Nguyễn Thị Duyên	04/11/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán	Toán	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	THCS Phù Nham	Trung Tâm	
91	Lê Thị Mỹ Duyên	01/08/1996	Nữ	Kinh		Đại học	GD Chính trị	GDCCD	PT DTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông			
92	Trần Thị Duyên	20/11/1990	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	
93	Nguyễn Minh Giang	15/10/1994	Nữ	Kinh		Đại học	Toán học	Toán	THCS Hoàng Hoa Thám	Lào Cai	THCS Bàn Phiệt	Lào Cai	
94	Đình Trường Giang	04/09/2000	Nam	Kinh		Đại học	SP Sinh học	Sinh học	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Mỹ Gia	Yên Thành	
95	Hoàng Mạnh Giang	10/07/1987	Nam	Kinh		Thạc sĩ	Sinh học	Sinh học	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	
96	Giàng A Giông	20/03/2002	Nam	Mông	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch Sử	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	
97	Nguyễn Ngọc Hà	01/05/1988	Nữ	Kinh		Đại học	SPKTN- KTCN	KTNN	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Nguyễn Quang Bích	Nghĩa Lộ	
98	Phạm Thu Hà	13/08/2002	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch sử và Địa lý	Lịch sử và Địa lý	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	
99	Phạm Thúy Hà	15/06/2000	Nữ	Kinh		Đại học	SP Vật lý	Vật lý	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	
100	Phạm Thiên Hà	06/12/2003	Nữ	Kinh		Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	
101	Hoàng Thu Hà	17/03/1997	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Âm nhạc	Âm nhạc	TH&THCS Quy Mông	Quy Mông	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	
102	Hoàng Thị Hà	23/07/1992	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Văn học (NVSP THCN	Ngữ Văn	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	
103	Mai Xuân Hà	04/11/1995	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SPToán học	Toán	THCS số 1 Cam Cọn	Bảo Hà	THCS Dương Quý	Dương Quý	
104	Lê Thu Hạ	03/07/2002	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán	Toán	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	
105	Hoàng Văn Hải	05/02/1987	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	
106	Trịnh Xuân Hải	19/09/1986	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Vật lý	Vật lý	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	
107	Nguyễn Thu Hằng	19/10/1993	Nữ	Kinh		Đại học	SP Sư - Địa	Lịch sử và Địa lý	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	TH&THCS Thạch Lương	Cần Thia	
108	Cầm Thị Hằng	10/10/1991	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Quang Minh	Đông Cuông	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
109	Hoàng Hồng Hăng	15/09/1994	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Địa lý (NVSP Trung	Địa lý	TH&THCS số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	TH&THCS Bạch Hà 2	Thác Bà	
110	Hoàng Lê Hăng	04/11/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Âm Nhạc	Âm Nhạc	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	
111	Hoàng Thanh Hăng	02/04/1992	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	TH&THCS Mỹ Gia	Yên Thành	TH&THCS Số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	
112	Hoàng Thị Minh Hăng	25/05/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng			
113	Nguyễn Thị Thu Hăng	15/06/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	PT DTBT THCS Lao Chải	Lao Chải	
114	Thân Thị Hăng	05/06/1990	Nữ	Kinh		Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	TH&THCS Xuân Tầm	Phong Dụ Hạ	
115	Phạm Thị Hăng	08/07/2000	Nữ	Kinh		Đại học	Văn học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Chiềng Ken	Chiềng Ken	THCS Dương Quý	Dương Quý	
116	Phàn Thị Hăng	15/02/2002	Nữ	Dao	DTTS	Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	THCS Lũng Vai	Bàn Lầu	
117	Vàng Thị Thanh Hăng	02/05/1993	Nữ	Giáy	DTTS	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	A Mú Sung	PTDTBT THCS Dền Thàng	Dền Sáng	
118	Trần Thanh Hăng	23/09/1994	Nữ	Kinh		Đại học	Sinh học	Sinh học	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	
119	Nông Thị Hành	19/11/1986	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Nông học, CCNVSP Đại học	KTNN	TH&THCS An Phú	Mường Lai			
120	Nguyễn Như Hạnh	27/09/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Phù Nham	Trung Tâm	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	
121	Từ Văn Hạnh	24/09/2001	Nam	Tày	DTTS	Đại học	GĐTC (NVSP THCS	Giáo dục thể chất	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	THCS Yên Ninh	Yên Bái	
122	Hoàng Thị Hạnh	02/04/1992	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Văn học (NVSP THCS	Ngữ Văn	TH&THCS An Phú	Mường Lai	TH&THCS Minh Tiến số 1	Mường Lai	
123	Nguyễn Mỹ Hạnh	21/01/1989	Nữ	Kinh		Đại học	SP Âm Nhạc	Âm Nhạc	TH&THCS Quy Mông	Quy Mông	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	
124	Nguyễn Thị Hạnh	02/08/1991	Nữ	Kinh		Đại học	CN Sinh học (NVSP)	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	
125	Nguyễn Thị Kim Hạnh	23/06/2001	Nữ	Kinh		Đại học	Lịch Sử (NVSP LS&H	Lịch Sử	PT DTBT THCS Pha Long	Pha Long	PT DTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chỉ Sơn	
126	Trần Thị Hạnh	28/02/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	PTDTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ			
127	Trần Thị Hạnh	23/05/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	
128	Nguyễn Thái Hào	12/06/2003	Nam	Kinh		Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	PTDTBT THCS Nấm Lư	Mường Khương			
129	Nguyễn Trung Hậu	26/07/2000	Nam	Kinh		Đại học/ThS	SP TĐTT	Giáo dục thể chất	THCS Yên Ninh	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	
130	Trương Thị Hậu	05/08/1999	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Mậu A	Mậu A	THCS An Thịnh	Mậu A	
131	Đào Thị Mai Hiền	22/04/1983	Nữ	Dao	DTTS	Đại học	SP TĐTT	Giáo dục thể chất	TH&THCS Việt Cường	Việt Hồng	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	Nguyên vọng 2 đăng ký trường không có chỉ tiêu
132	Bùi Thị Hiền	01/11/1991	Nữ	Kinh		Đại học	Toán học	Toán	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	A Mú Sung	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	
133	Hán Thị Hiền	26/07/2002	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Đào Thịnh	Trần Yên	THCS Động Quan	Khánh Hòa	
134	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/10/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Địa Lý	Địa Lý	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên			
135	Phạm Thanh Hiền	08/09/2000	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	TH&THCS Minh Bảo	Nam Cường	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	
136	Vũ Thị Hiền	10/09/1994	Nữ	Kinh		Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
137	Tạ Thị Thu Hiền	20/01/2001	Nữ	Kinh		Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	PTDTBT THCS Phìn Ngan	Bát Xát	
138	Bùi Thanh Hiền	01/03/1991	Nữ	Kinh		Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	
139	Hoàng Thị Hiền	09/01/1994	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Văn học (NVSP THCS)	Ngữ Văn	PT DTBT THCS Chiềng Ken	Chiềng Ken	THCS Dương Quý	Dương Quý	
140	Lò Thị Thu Hiền	11/12/1999	Nữ	Thái	DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	PT DTBT TH&THCS Dế Xu Phình	Púng Luông	PT DTBT TH&THCS Mô Dề	Mù Cang Chải	
141	Mai Thị Hiền	13/06/1993	Nữ	Kinh		Đại học	SP Địa lý	Địa lý	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	THCS Dương Quý	Dương Quý	
142	Trần Thu Hiền	04/03/1999	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	THCS Bàn Lâu	Bàn Lâu	
143	Bùi Thị Hiệp	05/10/1987	Nữ	Mường	DTTS	Đại học	Lịch sử (NVSP)	Lịch sử	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	PTDTBT TH&THCS Phình Hồ	Phình Hồ	
144	Phạm Ngọc Hiệp	06/03/1993	Nam	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	PTDTBT THCS Tung Chung Phố	Mường Khương	
145	Nguyễn Tiến Hiệp	03/10/2000	Nam	Kinh		Đại học	Mỹ thuật	Mỹ thuật	PTDTBT THCS Nậm Mòn	Bắc Hà	TH&THCS Kim Sơn	Bảo Hà	
146	Nguyễn Văn Hiếu	13/10/2000	Nam	Kinh		Đại học	Ngôn ngữ Anh (NVSP)	Tiếng Anh	TH&THCS Na Lóc	Bàn Lâu	TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	
147	Hoàng Chung Hiếu	17/04/1993	Nam	Giáy	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	
148	Lý Thị Hồ	26/05/1985	Nữ	Dao	DTTS	Đại học	SP Địa Lý	Địa lý	THCS Động Quan	Khánh Hòa	TH&THCS Cầm Án	Bảo Ái	
149	Lê Phương Hoa	01/11/2001	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Tân Đồng	Trần Yên	
150	Phạm Thị Hoa	10/08/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	
151	Nông Thị Hoa	25/12/1993	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	Địa lý (NVSP)	Địa lý	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	THCS Động Quan	Khánh Hòa	
152	Vũ Thị Thanh Hoa	01/01/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Sán Chải	Sì Ma Cai	PTDTBT TH&THCS Nàn Sín	Sín Chéng	
153	Sinh Thị Hoa	05/10/1994	Nữ	Lô Lô	DTTS	Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	THCS Bàn Lâu	Bàn Lâu	PTDTBT THCS Nậm Lư	Mường Khương	
154	Vũ Văn Hòa	14/12/1991	Nam	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS Hợp Minh	Ấu Lâu	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	
155	Hà Thanh Hòa	26/11/1986	Nam	Mường	DTTS	Đại học	SP Âm nhạc	Âm nhạc	PT DTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	TH&THCS Văn Tiên	Thượng Bằng La	
156	Nguyễn Thị Hòa	14/07/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Châu Quế Hạ	Châu Quế	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	
157	Vàng Seo Hòa	10/02/1989	Nam	Mông	DTTS	Đại học	SP Ngữ văn	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	PTDTBT THCS Nậm Mòn	Bắc Hà	
158	Nguyễn Thị Thu Hoài	11/07/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	
159	Vũ Xuân Hoài	20/10/2002	Nam	H. Mông	DTTS	Đại học	SP Lịch sử và Địa lý	Lịch sử và Địa lý	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	
160	Nguyễn Văn Hoàn	02/11/1994	Nam	Kinh		ThS	Toán Giải tích	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	THCS Phong Dụ Thượng	Phong Dụ Thượng	
161	Trần Đức Hoàn	26/03/1987	Nam	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	
162	Nguyễn Khải Hoàng	27/01/2002	Nam	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Hoàng Văn Thộ	Chấn Thịnh	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	
163	Mê Văn Hoi	25/07/1992	Nam	Khơ mú	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	
164	Nguyễn Thị Hồng	19/05/1998	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Địa lý	Địa lý	PTDTBT THCS Thanh Bình	Mường Khương	TH&THCS Chợ Chậu	Bàn Lâu	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
165	Hà Văn Huân	05/09/1994	Nam	Mường	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	
166	Hoàng Thị Huế	28/11/1991	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	TH&THCS Phúc Ninh	Yên Thành	Nguyễn vọng 2 đăng ký trường không có chỉ tiêu
167	Phạm Thị Huế	01/08/1992	Nữ	Kinh		Đại học	SP Hóa học	Hóa học	PT DTBT TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	
168	Phạm Thị Huế	16/04/1985	Nữ	Kinh		Đại học	Tin học (NVSP)	Tin học	TH&THCS Nà Hấu	Tân Hợp	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	
169	Trần Thị Như Huế	22/02/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SP Âm nhạc	Âm nhạc	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	
170	Hứa Thị Huế	15/04/2003	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	THCS Dương Quý	Dương Quý	PTDTBT THCS Chiềng Ken	Chiềng Ken	
171	Phạm Thị Huế	01/08/1992	Nữ	Kinh		Đại học	Hóa học	Hóa học	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	
172	Lê Minh Huệ	04/10/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Mỹ Thuật	Mỹ Thuật	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	TH&THCS Minh Quán	Trần Yên	
173	Bùi Thị Huệ	10/10/1991	Nữ	Mường	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	PT DTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	THCS Cán Cẩu	Sì Ma Cai	
174	Đoàn Thị Huệ	09/08/1981	Nữ	Kinh		Đại học	SP TDTT	Giáo dục thể chất	THCS Minh An	Nghĩa Tâm			
175	Phạm Thị Huệ	12/02/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán	Toán	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	
176	Đỗ Thị Huệ	15/10/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SPToán học	Toán	THCS Cốc San	Cốc San	PTDTBT TH&THCS Trạm Tấu	Trạm Tấu	
177	Trịnh Thị Huệ	20/10/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SPToán học	Toán	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	
178	Nguyễn Mạnh Hùng	24/06/1995	Nam	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Chấn Thịnh	Chấn Thịnh	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	
179	Sùng A Hùng	15/10/1995	Nam	Mông	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	
180	Lý Mạnh Hùng	07/12/1995	Nam	Nùng	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS Tung Chung Phố	Mường Khương	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	
181	Trần Thành Hưng	13/11/2002	Nam	Kinh		Đại học	NN Anh (NVSP THCS)	Tiếng Anh	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	
182	Nguyễn Việt Hưng	10/08/2000	Nam	Kinh		Đại học	SP Lịch Sử (CC LS&L)	Lịch sử và Địa lý	PT DTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	
183	Đoàn Thanh Hương	11/06/1996	Nữ	Kinh		Đại học	SP Sinh học	Sinh học	TH&THCS Mậu Đông	Mậu A	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	
184	Hoàng Thị Hương	10/01/1987	Nữ	Kinh		Đại học	SP Mỹ Thuật	Mỹ Thuật	THCS Mậu A	Mậu A			
185	Lê Thị Mai Hương	20/09/1978	Nữ	Kinh		Đại học	GD Chính trị	GDCD	THCS Tô Hiệu	Trung Tâm	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	
186	Nguyễn Thị Diễm Hương	04/05/1993	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Hóa học	Hóa học	THCS Mậu A	Mậu A	TH&THCS Nà Hấu	Tân Hợp	
187	Nguyễn Thị Hương	13/10/1994	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	TH&THCS Minh Bảo	Nam Cường	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	
188	Nguyễn Thị Hương	23/11/1989	Nữ	Kinh	Con đẻ của người HDKC bị nhiễm CDHH	Đại học	Hóa học	Hóa học	THCS Bàn Phiệt	Lào Cai	TH&THCS Bàn Qua	Bát Xát	
189	Nguyễn Hoàng Hương	17/12/2002	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	CN Sinh học (NVSP KHTN THCS)	Sinh học	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	THCS Châu Quế Hạ	Châu Quế	
190	Nguyễn Thị Mai Hương	18/08/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	
191	Vàng Thị Thu Hương	14/04/1993	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	SPSư-GDCD	GDCD	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT TH&THCS Hàu Thào	Tả Van	
192	Đinh Thị Thùy Hương	22/06/1991	Nữ	Mường	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	PTDTBT THCS Cao Sơn	Cao Sơn	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Ghi chú	
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường		
193	Nguyễn Thị Hường	09/09/1987	Nữ	Nùng		DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	
194	Lương Thúy Hường	10/09/1980	Nữ	Thái		DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	
195	Trần Thị Thu Hường	25/11/1992	Nữ	Kinh			Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	TH&THCS Giới Phiên	Ấn Lâu	
196	Nguyễn Thị Thu Hường	12/12/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	
197	Hoàng Thị Hường	26/02/1988	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP KTTN (ghép KTC	KTCN	THCS số 1 Thượng Hà	Thượng Hà			
198	Nguyễn Thị Hường	06/06/1992	Nữ	Kinh			Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	
199	Hoàng Quang Huy	04/09/2002	Nam	Tày		DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	TH&THCS số 1 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	TH&THCS Ngọc Chấn	Cẩm Nhân	
200	Bùi Quang Huy	30/7/2003	Nam	Kinh			Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	
201	Đặng Thanh Huyền	17/11/2002	Nữ	Kinh			Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Cầu Mây	Sa Pa	THCS Kim Đồng	Sa Pa	
202	Đỗ Thị Thanh Huyền	22/01/1985	Nữ	Kinh			Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	
203	Nông Thị Thanh Huyền	11/03/1993	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	THCS Nguyễn Thái Học	Lục Yên	
204	Phạm Thu Huyền	18/10/2002	Nữ	Kinh			Đại học	NN Anh (NVSP THCS)	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	
205	Triệu Thị Huyền	03/07/2002	Nữ	Dao		DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	TH&THCS Hòa Cường	Trần Yên	THCS Báo Đáp	Trần Yên	
206	Hoàng Thanh Huyền	16/02/2002	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Hóa học	Hóa học	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh			
207	Hoàng Thị Huyền	02/05/1992	Nữ	Thái		DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	PTDTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ			
208	Hoàng Thị Huyền	16/10/1994	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	THCS Dương Quỳ	Dương Quỳ	
209	Lèo Thị Thu Huyền	25/06/2000	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS số 1 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	TH&THCS Ngọc Chấn	Cẩm Nhân	
210	Nguyễn Thị Huyền	22/04/1993	Nữ	Kinh			Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	
211	Sâm Thị Thu Huyền	22/03/2003	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Đông An	Đông Cường	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	
212	Đình Ngọc Khắc	01/06/1984	Nam	Kinh			Thạc sĩ	Toán học	Toán	THCS Kim Tân	Lào Cai	THCS Hoàng Hoa Thám	Lào Cai	
213	Triệu Thị Khách	24/07/1992	Nữ	Dao		DTTS	Đại học	Địa lý	Địa lý	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	
214	Hồ A Kháng	21/05/1998	Nam	Mông		DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCTD	PT DTBT TH&THCS Dền Thàng	Dền Sáng	PT DTBT TH&THCS Hữu Thào	Tà Van	
215	Hoàng Văn Khanh	02/02/1991	Nam	Tày		DTTS	Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PT DTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	
216	Tô Văn Khánh	18/04/1997	Nam	Tày		DTTS, NV QS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng			
217	Nguyễn Văn Khánh	09/01/2002	Nam	Kinh			Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	
218	Hoàng Đăng Khoáng	10/12/1988	Nam	Tày		DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCTD	TH&THCS Khánh Thiện	Lâm Thượng	TH&THCS Tân Phụng	Lâm Thượng	
219	Hoàng Thị Khuyên	10/10/1989	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	TH&THCS Đông Quan	Khánh Hòa	
220	Bùi Xuân Kiên	04/05/1995	Nam	Kinh			Đại học	SP Sinh học	Sinh học	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Mỹ Gia	Yên Thành	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
221	Vĩ Văn Kiều	13/02/1987	Nam	Nùng	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	THCS Nguyễn Thái Học	Lục Yên	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	
222	Hà Thị Kiều	06/06/1995	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Hóa học	Hóa học	THCS số 2 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS số 1 Phúc Khánh	Phúc Khánh	
223	Trần Trọng Kim	16/03/1982	Nam	Kinh	Bệnh binh	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	PT DTBT THCS Sán Chải	Si Ma Cai	THCS Tả Ngải Chồ	Pha Long	
224	Nguyễn Phương Lam	08/10/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	THCS Yên Ninh	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	
225	Nguyễn Hồng Lan	29/02/2000	Nữ	Giáy	DTTS	Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Bản Vược	Bát Xát	
226	Hoàng Thị Thanh Lan	26/04/1990	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Bạch Hà 2	Thác Bà	PT DTBT THCS Thanh Bình	Mường Khương	
227	Nguyễn Thị Bích Lan	23/02/1990	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	TH&THCS Xuân Tầm	Phong Dụ Hạ	
228	Tráng Sứ Lan	14/03/1997	Nữ	Pa Dí	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	PT DTBT THCS Nám Lư	Mường Khương			
229	Bùi Công Lân	08/09/1993	Nam	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Bản Lầu	Bản Lầu	THCS Bản Sen	Bản Lầu	
230	Đặng Thị Lành	14/06/1984	Nữ	Kinh		Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	TH&THCS Tả Ngáo	Bát Xát	THCS Kim Tân	Lào Cai	
231	Trần Thị Hồng Lê	30/01/1991	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	Cử nhân T.Anh (NVS)	Tiếng Anh	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Cầm Ân	Bảo Ái	
232	Trần Hằng Lê	07/09/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SPNgữ văn	Ngữ văn	TH&THCS Bản Xèo	Bản Xèo	PTDTBT TH&THCS Bản Phụng	Bản Hồ	
233	Lộc Thị Len	06/11/1991	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Hóa học	Hóa học	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	TH&THCS Bản Xèo	Bản Xèo	
234	Hạng A Lênh	10/05/1997	Nam	Mông	DTTS	Đại học	Giáo dục chính trị	GDCD	THCS Tú Lệ	Tú Lệ	PTDTBT TH&THCS Hữu Thào	Tả Van	
235	Nguyễn Thị Liêm	06/07/1989	Nữ	Kinh		Đại học	Toán (NVSP)	Toán	PT DTBT THCS Lao Chải	Lao Chải	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	
236	Doãn Thúy Liên	29/05/1987	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Minh Bảo	Nam Cường	TH&THCS Âu Lâu	Âu Lâu	
237	Lò Thị Liên	08/11/1993	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Văn - Địa	Địa lý	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông			
238	Lý Thị Liên	29/01/1995	Nữ	Dao	DTTS	Đại học	SP Mỹ Thuật	Mỹ Thuật	TH&THCS An Phú	Mường Lai	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	
239	Nguyễn Thị Hồng Liên	14/10/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Bản Sen	Bản Lầu	TH&THCS Na Lốc	Bản Lầu	
240	Phạm Thị Liên	13/10/1992	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Địa Lý	Địa Lý	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	TH&THCS Cầm Ân	Bảo Ái	
241	Nguyễn Thị Thanh Liễu	07/12/1993	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	THCS Yên Ninh	Yên Bái	THCS Quang Trung	Yên Bái	
242	Hoàng Thị Lìn	15/08/2002	Nữ	Mông	DTTS	Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan H	Si Ma Cai	THCS Cán Cầu	Si Ma Cai	
243	Đỗ Hồng Linh	01/08/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	
244	Hoàng Thị Giao Linh	13/07/1993	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	
245	Nguyễn Thị Mỹ Linh	15/12/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	
246	Phạm Thị Thùy Linh	17/02/2001	Nữ	Kinh		Đại học	SP Địa Lý	Địa lý	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	
247	Hoàng Vũ Linh	29/09/2002	Nam	Kinh		Đại học	CNTT (NVSP THCS)	Tin học	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	
248	Ngô Văn Linh	05/03/1996	Nam	Mông	DTTS	Đại học	SP Âm Nhạc	Âm Nhạc	TH&THCS Quy Mông	Quy Mông	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
249	Nguyễn Thị Thùy Linh	28/05/1994	Nữ	Kinh		ThS	Toán Giải tích	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	THCS Hưng Khánh	Hưng Khánh	
250	Phạm Hải Linh	21/12/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Mỹ Thuật	Mỹ Thuật	TH&THCS số 2 Lương Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	
251	Phan Chí Linh	16/12/1983	Nam	Tày	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	Nguyễn vọng 2 đăng ký trường không có chỉ tiêu
252	Phùng Mai Linh	17/09/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Vật lý	Vật lý	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	TH&THCS Nà Hẩu	Tân Hợp	
253	Phùng Thùy Linh	20/08/1994	Nữ	Dao (Mán)	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Trần Phú	Thượng Bằng La	TH&THCS Thượng Bằng La	Thượng Bằng La	
254	Lương Thùy Linh	11/02/2002	Nữ	Thái	DTTS	Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	PTDTBT THCS Cốc Lầu	Cốc Lầu	PTDTBT THCS Nậm Mòn	Bắc Hà	
255	Hoàng Thị Khánh Linh	02/11/1994	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	TH&THCS Na Lốc	Bàn Lầu	
256	Tạ Quyền Linh	09/03/1998	Nam	Kinh	hành NV tham gia	Đại học	Công nghệ thông tin	Tin học	THCS Minh Tân	Thượng Hà	THCS Điện Quan	Thượng Hà	
257	Tráng Thùy Linh	25/04/2001	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Pha Long	Pha Long	THCS Tả Ngải Chồ	Pha Long	
258	Phùng Thế Linh	02/05/1993	Nam	Tày	DTTS	Đại học	CNTT (NVSP)	Tin học	TH&THCS Tân Lập	Tân Lĩnh	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	
259	Đồng Thị Loan	03/08/2003	Nữ	Thái	DTTS	Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Tú Lệ	Tú Lệ	PTDTBT THCS Cao Phạ	Tú Lệ	
260	Thần Thị Loan	20/04/1995	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	Giáo dục công dân	GDCD	PTDTBT TH&THCS Bản Phùng	Bản Hồ			
261	Hoàng Thị Như Lua	19/02/1994	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	
262	Lương Thị Luận	19/02/1989	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	THCS Tân Thượng	Bảo Hà	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	
263	Nguyễn Văn Luận	19/05/1986	Nam	Mường	DTTS	Đại học	Hóa học (NVSP THCS)	Hóa học	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	
264	Tải Sào Lường	04/01/1993	Nam	Nùng	DTTS	Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	PTDTBT THCS Nậm Mòn	Bắc Hà			
265	Trần Văn Luyện	10/08/1992	Nam	Kinh		Đại học	SP Sinh học	Sinh học	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	
266	Vũ Thị Khánh Ly	01/10/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Đào Thịnh	Trần Yên	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	
267	Giàng A Ly	06/09/1988	Nam	H'mông	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	TH&THCS Bản Xèo	Bản Xèo	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	
268	Hà Phạm Khánh Ly	17/04/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Động Quan	Khánh Hòa	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	
269	Lục Thị Ly	27/11/1999	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	TH&THCS số 1 Cầm Nhân	Cầm Nhân	TH&THCS Xuân Lai	Yên Thành	
270	Lương Thị Ly	16/07/1995	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PT DTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PT DTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	
271	Triệu Thị Lý	01/07/1992	Nữ	Dao	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	
272	Hứa Thị Mai	27/08/1988	Nữ	Kinh		Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia			
273	Lê Phương Mai	17/06/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	PTDNT THCS Văn Chấn	Văn Chấn	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	
274	Phạm Thị Ngọc Mai	25/01/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	
275	Hoàng Thị Tuyết Mai	05/04/2001	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS Vĩnh Lạc	Mường Lai	
276	Mùa Ngọc Mai	14/02/2003	Nữ	Mông	DTTS	Đại học	SP Địa Lý	Địa lý	PTDNT THCS Trám Tấu	Hạnh Phúc	THCS và THPT Nghĩa Tâm	Nghĩa Tâm	Nguyễn vọng 2 đăng ký trường khác cấp học, không phù hợp

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Ghi chú	
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường		
277	Sùng Thị Mai	18/10/2000	Nữ	Mông		DTTS	Đại học	SP Vật lý	Vật lý	PT DTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	PT DTBT TH&THCS Hồ Bón	Khao Mang	
278	Vũ Ngọc Mai	25/04/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	Sinh học	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	
279	Nguyễn Thị Tuyết Mai	18/03/1994	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	Giáo dục thể chất	TH&THCS Tung Chung Phố	Mường Khương			
280	Nguyễn Đức Mạnh	21/05/2003	Nam	Kinh			Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	THCS Quang Trung	Yên Bái	
281	Hoàng Văn Mạnh	21/03/1991	Nam	Tày		DTTS	Đại học	SP Hóa học	Hóa học	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	
282	Lộc Thị Mến	17/05/1993	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	PTDTBT TH&THCS Làng Nhi	Phình Hồ			
283	Hà Thị Miến	20/10/1989	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Dụ Hạ	
284	Nguyễn Nguyệt Minh	02/11/2003	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Cổ Phúc	Trần Yên	
285	Hà Thị Thu Minh	04/09/1991	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Hóa học	Hóa học	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh	
286	Lô Thế Mới	05/05/1995	Nữ	Bồ Y		DTTS	Đại học	Sinh học	Sinh học	THCS Lũng Vai	Bản Lâu	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	
287	Nguyễn Hà My	19/11/1994	Nữ	Kinh			Đại học	SP Hóa học	Hóa học	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Võ Thị Sáu	Cầu Thia	
288	Phùng Thảo My	04/04/1999	Nữ	Kinh			Đại học	NN Anh (NVSP THCS)	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	
289	Hà Đình Nam	20/05/1997	Nam	Tày		DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	
290	Phạm Anh Nam	01/08/1997	Nam	Kinh			Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Tà Van	Tà Van	PTDTBT THCS Trung Chải	Tà Phìn	
291	Chương Thị Neo	10/10/1994	Nữ	Dao		DTTS	Đại học	Địa lý	Địa lý	THCS Dương Quý	Dương Quý	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	
292	Nguyễn Thị Nga	16/06/1966	Nữ	Kinh			Đại học	SP Hóa học	Hóa học	TH&THCS Võ Thị Sáu	Cầu Thia	TH&THCS Nghĩa Lộ	Trung Tâm	
293	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	25/04/2001	Nữ	Kinh			Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	
294	Trịnh Thanh Nga	15/04/1985	Nữ	Nùng		DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Đào Thịnh	Trần Yên	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	
295	Vũ Thị Hằng Nga	10/05/1990	Nữ	Kinh			Đại học	SP Sinh - Hóa	Sinh học	THCS Báo Đáp	Trần Yên	TH&THCS Hòa Cường	Trần Yên	
296	Nông Thị Nga	21/05/1992	Nữ	Tày		DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Hàm Rồng	Sa Pa	
297	Đỗ Thị Thúy Nga	25/01/1992	Nữ	Mường		DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	TH&THCS Cầm Ân	Bảo Ái	
298	Nguyễn Thị Thanh Nga	21/12/1994	Nữ	Kinh			Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Báo Ái	Báo Ái	PT DTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	
299	Vũ Thị Thúy Nga	14/04/2003	Nữ	Kinh			Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	
300	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	15/05/1990	Nữ	Kinh			Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	
301	Phạm Thị Ngân	26/04/1993	Nữ	Kinh			Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	
302	Trần Thúy Ngân	05/09/1993	Nữ	Mông		DTTS	Đại học	Mỹ thuật	Mỹ thuật	PTDTBT THCS Nậm Mòn	Bắc Hà			
303	Đieu Thị Nghê	26/04/2003	Nữ	Thái		DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	PT DTBT TH&THCS La Pán Tẩn	Púng Luông	PT DTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	
304	Hoàng Minh Ngoan	19/03/1986	Nam	Tày		DTTS	Đại học	SP Mỹ Thuật	Mỹ Thuật	THCS Mậu A	Mậu A	TH&THCS Tân Phương	Lâm Thượng	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
305	Hoàng Thị Ngoan	30/11/1990	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Văn-Địa	Địa lý	TH và THCS số 2 Y Can	Quy Mông	TH và THCS Việt Hồng	Việt Hồng	
306	Vàng Thị Ngoan	23/03/1993	Nữ	Giáy	DTTS	Đại học	SP Văn-GDCD	Ngữ văn	PTDTBT THCS Năm Lư	Mường Khương	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	
307	Nguyễn Hồng Ngọc	30/07/2002	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	
308	Phan Thị Minh Ngọc	29/09/1996	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Cổ Phúc	Trần Yên	TH&THCS Vinh Kiên	Thác Bà	
309	Bùi Thị Hồng Ngọc	03/05/2003	Nữ	Kinh		Đại học	Giáo dục công dân	GDCD	PTDTBT THCS Phìn Ngan	Bát Xát	THCS Mậu A	Mậu A	
310	Tần A Ngọc	08/04/1985	Nam	Dao	DTTS	Đại học	SP Lịch sử (Bảng diển	Địa lý	PT DTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PT DTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	
311	Đỗ Thị Bích Ngọc	08/05/2001	Nữ	Giáy	DTTS	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	THCS Tả Ngải Chồ	Pha Long	PTDTBT THCS Pha Long	Pha Long	
312	Hán Văn Ngọc	13/03/1989	Nam	Tày	DTTS	Đại học	Vật lý	Vật lý	PTDTBT TH&THCS Nàn Sín	Sín Chéng	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ	Si Ma Cai	
313	Nguyễn Bích Ngọc	21/02/2000	Nữ	Kinh		Đại học	Kỹ thuật phần mềm	Tin học	TH&THCS Đại Minh	Thác Bà	TH&THCS Hán Đà	Thác Bà	
314	Vũ Thị Thảo Nguyễn	04/07/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Mậu A	Mậu A	THCS An Thịnh	Mậu A	
315	Phạm Thủy Nguyễn	13/09/1989	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Tân Thịnh	Chấn Thịnh	TH&THCS Hoàng Văn Thọ	Chấn Thịnh	
316	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	11/10/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	
317	Đình Thị Nguyệt	24/01/1986	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch Sử	Lịch sử	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	
318	Hoàng Thị Thu Nguyệt	18/03/1991	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Công nghệ thông tin	Tin học	TH&THCS Kim Sơn	Bào Hà	THCS Việt Tiến	Phúc Khánh	
319	Chu Thị Nhâm	08/01/2000	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	THCS Cán Cẩu	Si Ma Cai	
320	Trần Thị Thu Nhân	24/06/1983	Nữ	Kinh		Đại học	Hóa học	Hóa học	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT THCS Thanh Kim	Bàn Hồ	
321	Vương Thế Nhật	02/08/2000	Nam	Giáy	DTTS	Đại học	An toàn thông tin	Tin học	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	PTDTBT THCS La Pan Tẩn	Cao Sơn	
322	Lê Thị Nhi	20/09/1999	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	PT DTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ			
323	Nguyễn Yến Nhi	12/08/2003	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS Việt Cường	Việt Hồng	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	
324	Lêng Thúy Nhị	06/07/1994	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Luật (NVSP THCS)	GDCD	TH&THCS An Phú	Mường Lai	THCS Lam Thíp	Lâm Giang	
325	Bùi Trang Nhung	16/03/2002	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	
326	Hoàng Thị Hồng Nhung	16/06/1985	Nữ	Kinh		Đại học	SP Mỹ Thuật	Mỹ Thuật	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	TH&THCS Minh Quán	Trần Yên	
327	Trần Thị Hồng Nhung	01/01/1998	Nữ	Kinh		Đại học	SP Vật lý	Vật lý	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	TH&THCS Vinh Kiên	Thác Bà	
328	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/01/1994	Nữ	Kinh		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	
329	Trần Thị Nhung	24/05/1988	Nữ	Kinh		Đại học	Sinh học	Sinh học	THCS Lùng Vai	Bàn Lầu			
330	Triệu Văn Ốc	17/05/1988	Nam	Dao	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	PT DTBT TH&THCS Phình Hồ	Phình Hồ	THCS Minh An	Nghĩa Tâm	Nguyên vọng 2 đăng ký trường không có chỉ tiêu
331	Bản Văn Pấm	18/02/1989	Nam	Dao	DTTS	Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	TH&THCS Vinh Yên	Nghĩa Đô	
332	Giàng A Páo	15/01/1993	Nam	H'Mông	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PT DTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ	PT DTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
333	Giàng A Phúc	08/01/1996	Nam	Mông	DTTS	Đại học	Sinh học	Sinh học	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	THCS Sứ Pán	Tả Van	
334	Hà Thị Thu Phương	20/10/1994	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	GDCD	GDCD	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông			
335	Nguyễn Thị Phương	20/05/1998	Nữ	Kinh		Đại học	SP Hóa học	Hóa học	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	
336	Phan Thị Bích Phương	16/05/1980	Nữ	Kinh		Đại học	MTCN - Thời trang (NVSP THCS)	Mỹ Thuật	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	
337	Lê Thị Hồng Phương	03/04/1992	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	
338	Lương Thị Quỳnh Phương	25/11/2002	Nữ	Kinh		Đại học	SP Vật lý	Vật lý	TH&THCS Trung Tâm	Phúc Lợi	THCS Bán Lầu	Bán Lầu	
339	Phạm Minh Quân	13/07/2003	Nam	Kinh		Đại học	Mỹ thuật	Mỹ thuật	PTDTBT TH&THCS Hầu Thào	Tả Van	PTDTBT THCS Nậm Mòn	Bắc Hà	
340	Hà Vinh Quang	23/09/2002	Nam	Thái	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	PT DTBT THCS Trung Chải	Tả Phìn	TH&THCS Nậm Cang	Mường Bo	
341	Nguyễn Hào Quang	19/10/1997	Nam	Kinh		Đại học	SP Hóa học	Hóa học	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	Dền Sáng	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	
342	Lò Văn Quý	24/11/1988	Nam	Thái	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS Dế Xu Phình	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS La Pán Tẩn	Púng Luông	
343	Dương Thị Lệ Quyên	03/02/1989	Nữ	Kinh		Đại học	CN Hóa học (NVSP)	Hóa học	TH&THCS Nà Hẩu	Tân Hợp	THCS Chân Quế Hạ	Châu Quế	
344	Hoàng Văn Quyết	14/07/1995	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP KHTN	Vật Lý	PT DTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ	Si Ma Cai	PT DTBT TH&THCS Nàn Sín	Sín Chéng	
345	Ngân Văn Quỳnh	02/01/2001	Nam	Thái	DTTS	Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Hoàng Văn Thụ	Trung Tâm	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	
346	Phạm Như Quỳnh	12/06/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Âu Lâu	Âu Lâu	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	
347	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	27/10/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Địa Lý	Địa lý	TH&THCS Bạch Hà 2	Thác Bà	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	Nguyễn vọng 2 đăng ký trường không có chỉ tiêu
348	Trần Như Quỳnh	15/08/1998	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Địa Lý	Địa Lý	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	
349	Vũ Như Quỳnh	25/01/1990	Nữ	Kinh		Đại học	Sinh học	Sinh học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS Thanh Phú	Mường Bo	
350	Giàng A Rùa	17/04/1991	Nam	Mông	DTTS	Đại học	Toán-Lý	Toán	PTDTBT THCS Lao Chải	Lao Chải	PTDTBT TH&THCS Hồ Bồn	Khao Mang	
351	Lêng Xuân Sa	20/12/2001	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	Hệ thống thông tin	Tin học	PTDTBT THCS La Pan Tẩn	Cao Sơn	THCS Bán Lầu	Bán Lầu	
352	Hạng A Sỏi	19/09/1994	Nam	H'mông	DTTS	Đại học	GDCD	Giáo dục thể chất	PT DTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	
353	Nông Văn Sang	18/08/1990	Nam	Tày	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PT DTBT TH&THCS Hầu Thào	Tả Van	PT DTBT TH&THCS Bán Phùng	Bán Hồ	
354	Hạng A Sáu	20/03/2000	Nam	Mông	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PTDTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mù Cang Chải	PTDTBT TH&THCS Kim Nội	Mù Cang Chải	
355	Hờ A Sinh	15/11/1991	Nam	H'mông	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	PT DTBT TH&THCS Hồ Bồn	Khao Mang	PT DTBT TH&THCS Chế Tạo	Chế Tạo	
356	Lò Văn Sinh	20/06/1995	Nam	Thái	DTTS	Đại học	GDCD	Giáo dục thể chất	PT DTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	THCS Minh An	Nghĩa Tâm	
357	Vang Thị Sinh	14/11/1991	Nữ	Giáy	DTTS	Đại học	Sinh học	Sinh học	THCS Lùng Vai	Bán Lầu			
358	Phan Thị Sơ	04/06/1991	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Giáo dục chính trị	GDCD	TH&THCS Tân Phụng	Lâm Thượng	TH&THCS Mường Lai	Mường Lai	
359	Sùng A Sứ	20/05/1996	Nam	Mông	DTTS	Đại học	Địa lý (NVSP LS&DL)	Địa lý	PT DTBT THCS Trung Chải	Tả Phìn	PT DTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	
360	Hoàng Đức Sy	12/12/1990	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Âm Nhạc	Âm Nhạc	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
361	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/05/1993	Nữ	Kinh		Đại học	KT Hóa học (NVSP THCS)	Hóa học	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	TH&THCS số 1 Phúc Khánh	Phúc Khánh	
362	Phan Thị Thanh Tâm	11/10/1993	Nữ	Mường	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	
363	Thào Thị Tâu	15/09/1999	Nữ	Mông	DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	PTDTBT THCS số 1 Lũng Thẩn	Lũng Phình	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ Thẩn	Si Ma Cai	
364	Hiền Tênh	19/11/1996	Nữ	Tà Riêng	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	
365	Hoàng Văn Thạch	26/03/1988	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Mỹ Thuật	Mỹ Thuật	TH&THCS Tân Phượng	Lâm Thượng	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	
366	Cù Văn Thái	15/10/1996	Nam	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	
367	Vàng Thị Thắm	01/04/1992	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	PT DTBT THCS Pha Long	Pha Long			
368	Vàng Văn Thăng	16/03/1993	Nam	Nùng	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Đông Quan	Khánh Hòa	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	
369	Đặng Kim Thắng	16/07/1992	Nam	Dao	DTTS	Đại học	CNTT (NVSP)	Tin học	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	
370	Nguyễn Văn Thắng	13/02/1979	Nam	Kinh		Đại học	Tiếng Anh SP	Tiếng Anh	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	THCS Xuân Ái	Xuân Ái	
371	Lương Vũ Thắng	25/12/1990	Nam	Thái	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	
372	Hà Hoài Thanh	08/05/1994	Nữ	Kinh		Đại học	Hóa học	Hóa học	PTDTBT THCS Nậm Đét	Bảo Nhai	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	
373	Hồ Hữu Thành	04/04/1988	Nam	Kinh		Đại học	Triết học (NVSP Bắc 1)	GDCD	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	
374	Lầu A Thành	22/07/1998	Nam	H'mông	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	TH&THCS Mường Lai	Mường Lai	TH&THCS số 1 Cầm Nhân	Cầm Nhân	
375	Đỗ Phương Thảo	16/11/2000	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	NN Anh (NVSP THCS)	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	
376	Lê Thị Phương Thảo	18/07/1994	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	THCS Phù Nham	Trung Tâm	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	
377	Nguyễn Thị Thảo	03/10/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Mậu A	Mậu A	THCS An Thịnh	Mậu A	
378	Phạm Thị Thu Thảo	06/07/2002	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	
379	Trần Thị Thảo	12/06/1988	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	
380	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/09/1990	Nữ	Kinh		Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Hàm Rồng	Sa Pa	PTDTBT THCS Trung Chải	Tả Phìn	
381	Bùi Thị Thảo	20/06/1987	Nữ	Kinh		Đại học/CD	Lâm nghiệp/ CD SP KTN	KTNN	TH&THCS Mù Cang Chải	Mù Cang Chải	PT DTBT THCS Lao Chải	Lao Chải	
382	Đặng Thị Phương Thảo	15/10/2003	Nữ	Dao	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	PTDTBT THCS Mỏ Vàng	Mỏ Vàng	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	
383	Nguyễn Thị Thảo	23/07/1996	Nữ	Kinh		Đại học	GDCD	GDCD	TH&THCS Châu Quế Thượng	Châu Quế	THCS Lang Thíp	Lâm Giang	
384	Phùng Thị Thảo	05/04/1992	Nữ	Mường	DTTS	Đại học	SP Hóa học	Hóa học	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	THCS Số 2 Võ Lao	Võ Lao	
385	Vũ Thị Thu Thảo	05/07/1996	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Quang Minh	Đông Cuông	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	
386	Trần Phương Thảo	08/06/1996	Nữ	Kinh		Đại học	Mỹ thuật	Mỹ thuật	PTDTBT TH&THCS Hầu Thào	Tả Van			
387	Lê Thị Phương Thảo	29/10/2001	Nữ	Kinh		Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	TH&THCS Na Lốc	Bản Lầu	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	
388	Hoàng Thị Thật	02/01/1997	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Giáo dục công dân	GDCD	PTDTBT THCS Phìn Ngan	Bát Xát	TH&THCS Bản Xèo	Bản Xèo	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
389	Nguyễn Văn Thích	22/04/1993	Nam	Tày	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	
390	Hà Văn Thích	05/05/1992	Nam	Tày	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	
391	Hoàng Thị Thiểm	17/01/1992	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SPKHTN	KHTN	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	THCS Yên Thành	Yên Thành	
392	Trịnh Quang Thiểu	28/08/1985	Nam	Kinh		Đại học	SP Toán	Toán	PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	Năm Cỏ	PTDTBT THCS Cao Pha	Tú Lệ	
393	Vì Thị Thìn	24/09/1988	Nữ	Thái	DTTS	Đại học	Nông học, CCNV Đại	KTNN	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	TH&THCS Tân Phương	Lâm Thượng	
394	Phạm Hồng Thịnh	07/05/1993	Nam	Kinh		Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn			
395	Phan Văn Thơ	01/05/1991	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng			
396	Phan Thị Thọ	26/02/1994	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	
397	Sầm Thị Thoa	28/08/1997	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	PT DTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	
398	Nguyễn Thị Thoa	03/07/1991	Nữ	Kinh		Đại học	Địa lý	Địa lý	TH&THCS Chợ Chậu	Bản Lâu	PTDTBT THCS Thanh Bình	Mường Khương	
399	Mai Thị Thoan	12/11/1991	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SPNgữ văn	Ngữ văn	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Cốc Lâu	Cốc Lâu	
400	Đặng Thị Thơm	12/10/1993	Nữ	Dao	DTTS	Đại học	Sinh học	Sinh học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	THCS Sứ Pán	Tả Van	
401	Dương Hoài Thu	02/10/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	
402	Nguyễn Thị Thu	13/10/1993	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	
403	Phạm Thị Hoài Thu	14/10/2003	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Tân Nguyên	Bảo Ái	
404	Vũ Thị Thu	18/02/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Văn - GD&ĐT	Ngữ Văn	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	
405	Hoàng Thị Thu	10/05/1995	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Tin học	Tin học	THCS Điện Quan	Thượng Hà	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	
406	Hà Tiến Thú	16/04/1990	Nam	Tày	DTTS	Đại học	Lịch sử (NVSP)	Lịch sử	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	
407	Phạm Thị Thư	04/08/1988	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia			
408	Trần Thị Lệ Thư	10/04/1995	Nữ	Kinh		Đại học	Hóa học	Hóa học	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	
409	Đình Thị Thuận	08/03/1993	Nữ	Mường	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	TH&THCS Cẩm Ân	Bảo Ái			
410	Phan Thị Thuận	24/09/1996	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	PT DTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	
411	Nguyễn Hồng Thương	05/03/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch Sử (CC LS&H)	Lịch sử và Địa lý	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	TH&THCS Quang Minh	Đông Cuông	
412	Vương Huyền Thương	30/09/1986	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Tô Mậu	Khánh Hòa	PT DTBT TH&THCS Bán Công	Hạnh Phúc	
413	Trần Văn Thường	31/05/1996	Nam	Cao Lan	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	
414	Lương Thị Thúy	25/08/1997	Nữ	Kinh		Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS Châu Quế Hạ	Châu Quế	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	
415	Phùng Thị Thúy	13/08/2001	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Cẩm Ân	Bảo Ái	
416	Lục Việt Thúy	16/11/1994	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	Toán học	Toán	THCS Hợp Thành	Hợp Thành	THCS Cốc San	Cốc San	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
417	Lý Thị Thúy	24/08/1997	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	PTDTBT THCS Trung Chải	Tả Phìn	
418	Vũ Thị Thúy	23/11/1994	Nữ	Kinh		Đại học	Toán học	Toán	TH&THCS số 1 Tả Phời	Hợp Thành	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	
419	Nguyễn Phương Thùy	17/12/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	
420	Bùi Thị Thu Thùy	14/08/1993	Nữ	Kinh		Đại học	SP Địa lý	Địa lý	THCS Trần Phú	Thượng Bằng La	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	
421	Hoàng Lê Thùy	26/07/1995	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	TH&THCS Ba Khe	Cát Thịnh	PT DTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ	
422	Hoàng Thanh Thùy	03/11/1989	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Sinh học (NVSP)	Sinh học	PTDTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	PT DTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	
423	Lương Thanh Thùy	26/09/1993	Nam	Tày	DTTS	Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	
424	Tạ Thị Thùy	30/07/1991	Nữ	Kinh		Đại học	CNTT (NVSP)	Tin học	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Cổ Phúc	Trần Yên	
425	Cù Thị Thu Thùy	04/08/1995	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	
426	Khổng Thị Thu Thùy	15/08/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Động Quan	Khánh Hòa	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	
427	Phạm Thị Thu Thùy	07/09/1993	Nữ	Kinh		Đại học	GD Chính trị	GDCD	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	
428	Vì Lê Thùy	18/07/1998	Nữ	Thái	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	TH&THCS Ba Khe	Cát Thịnh			
429	Vương Thị Thùy	21/01/1996	Nữ	Cao Lan	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Tân Nguyên	Bảo Ái	
430	Nguyễn Thị Thùy	14/07/1996	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Lịch sử	Lịch sử	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	THCS Tân Thượng	Bảo Hà	
431	Đỗ An Thuý	24/12/1982	Nam	Kinh		Đại học	Toán học	Toán	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	
432	Quảng Văn Tích	10/02/1994	Nam	Thái	DTTS, Quân sự	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	PTDTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ	
433	Triệu Thị Tích	21/08/1988	Nữ	Dao đỏ	DTTS	Đại học	SP Mỹ thuật	Mỹ thuật	TH&THCS Tân Phụng	Lâm Thượng	TH&THCS An Phú	Mường Lai	
434	Mã Văn Tiên	25/09/1994	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	PT DTBT TH&THCS Phình Hồ	Phình Hồ	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	
435	Lưu Đình Tiến	09/01/1988	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Tin học	Tin học	PT DTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PT DTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	
436	Lý Thị Tiến	13/01/2001	Nữ	Dao	DTTS	Đại học	SP Lịch Sử	Lịch Sử	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Dụ Hạ	
437	Hoàng Thị Tin	03/04/2003	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	Giáo dục công dân	GDCD	PTDTBT TH&THCS Hầu Thảo	Tả Van	PTDTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	
438	Giàng Thị Tinh	27/07/2001	Nữ	Mông	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	PT DTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	PT DTBT TH&THCS Chế Tạo	Chế Tạo	
439	Nguyễn Thị Tinh	09/05/1990	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	PT DTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PD DTBT THCS Thảo Chư Phìn	Sín Chéng	
440	Đặng Văn Toàn	15/01/1992	Nam	Dao	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PT DTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	PT DTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ	
441	Lý Quốc Toàn	27/10/1992	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SPSư-Địa	Lịch sử	PTDTBT THCS Trịnh Tường	Trịnh Tường	PTDTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	
442	Trần Quốc Toàn	19/05/2004	Nam	Kinh		Đại học	SP Âm Nhạc	Âm Nhạc	TH&THCS Văn Tiên	Thượng Bằng La	PT DTBT TH&THCS Bàn Công	Hạnh Phúc	
443	Giàng A Tổng	01/01/1996	Nam	Mông	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PTDTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mù Cang Chải	
444	Giàng Thị Tổng	08/08/1993	Nữ	Mông	DTTS	Đại học	Kinh tế Chính trị (NVSP)	GDCD	PT DTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	PT DTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Ghi chú
										Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
445	Mùa A	Tổng	16/08/1993	Nam	Mông	DTTS	Đại học	GD Chính trị	GDCD	PTDTBT TH&THCS Khấu Ly	Phình Hồ	PTDTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ	
446	Trần Thu	Trà	13/05/2001	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS Nghĩa Lộ	Trung Tâm	TH&THCS Hoàng Văn Thụ	Trung Tâm	
447	Bùi Thu	Trang	31/05/2000	Nữ	Kinh		Đại học	CN Hóa học (NVSP KHTN THCS)	Hóa học	THCS Mậu A	Mậu A	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	
448	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/05/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	
449	Nguyễn Thị Huyền	Trang	06/02/1996	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	TH&THCS Giới Phiên	Ấu Lâu	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	
450	Nguyễn Thị	Trang	22/06/1994	Nữ	Kinh		Đại học	Cử nhân Hóa học (NVSP)	Hóa học	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	
451	Trương Quỳnh	Trang	31/03/2001	Nữ	Kinh		Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	
452	Phạm Huyền	Trang	03/04/2001	Nữ	Kinh		Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	THCS Kim Tân	Lào Cai	THCS Pom Hán	Cam Đường	
453	Bùi Quỳnh	Trang	21/11/2003	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tin học	Tin học	TH&THCS Đại Minh	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	
454	Nguyễn Thị Thúy	Trang	03/10/2002	Nữ	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	PT DTBT TH&THCS Trạm Tấu	Trạm Tấu	PT DTBT TH&THCS Làng Nhì	Phình Hồ	
455	Nguyễn Thị	Trang	18/01/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Sinh học	Sinh học	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh			
456	Tăng Thu	Trang	11/01/2000	Nữ	Kinh		Đại học	Toán học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	
457	Nguyễn Thùy	Trang	04/07/2003	Nữ	Kinh		Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	TH&THCS Na Lốc	Bản Lầu	
458	Hoàng Huyền	Trang	12/10/1989	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	Sinh học	Sinh học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS Thanh Phú	Mường Bo	
459	Lý Thị	Trao	27/09/1987	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng			
460	Vàng Seo	Tre	10/08/1989	Nam	H'Mông	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	
461	Hoàng Thị Nguyệt	Trình	15/08/2003	Nữ	Nùng	DTTS	Đại học	Hóa học	Hóa học	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	
462	Lù A	Trừ	05/06/1994	Nam	H'mông	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	PT DTBT TH&THCS La Pán Tẩn	Púng Luông	PT DTBT TH&THCS Dế Xu Phình	Púng Luông	
463	Nguyễn Thành	Trung	25/04/2002	Nam	Kinh		Đại học	SP KHTN	KHTN	TH&THCS Minh Quân	Ấu Lâu	TH&THCS Chân Quế Thượng	Châu Quế	
464	Nguyễn Thành	Trung	23/03/1979	Nam	Kinh		Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	THCS Cán Cầu	Si Ma Cai	
465	Lương Đức	Trường	13/06/1980	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP TDTT	Giáo dục thể chất	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	
466	Nguyễn Văn	Trường	01/12/2003	Nam	Kinh		Đại học	Vật lý	Vật lý	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	THCS Lang Thíp	Lâm Giang	
467	Lê Quốc	Trường	10/01/2002	Nam	Kinh		Đại học	Toán học	Toán	PTDTBT THCS Suối Thầu	Mường Bo	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	
468	Trần Thanh	Tú	02/12/2002	Nữ	Kinh		Đại học	NN Anh (NVSP THCS)	Tiếng Anh	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	
469	Trần Thị Hương	Tú	03/08/2002	Nữ	Kinh		Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	THCS Cam Đường	Cam Đường	
470	Nguyễn Thanh	Tú	13/10/1987	Nam	Kinh		Đại học	SP TDTT	Giáo dục thể chất	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	
471	Đông Minh	Tuấn	17/10/1987	Nam	Kinh		Đại học	SP TDTT	Giáo dục thể chất	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	
472	Đỗ Anh	Tuấn	04/04/1995	Nam	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	THCS Gia Hội	Gia Hội	THCS Tú Lệ	Tú Lệ	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
473	Phan Văn Tuấn	26/03/1995	Nam	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	TH&THCS Tung Chung Phố	Mường Khương	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	
474	Hoàng Văn Tuệ	03/02/1991	Nam	Tày	DTTS, Quân sự	Đại học	SP Toán học (Bảng đ	Vật lý	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	
475	Hoàng Xuân Tùng	12/12/2003	Nam	Tày	DTTS	Đại học	GD Thể chất	Giáo dục thể chất	THCS Gia Hội	Gia Hội	THCS Minh An	Nghĩa Tâm	
476	Đỗ Thanh Tùng	07/10/1994	Nam	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	
477	Hoàng Thị Tương	16/01/1995	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	
478	Lương Chí Tường	21/11/2003	Nam	Kinh		Đại học	GDTC	Giáo dục thể chất	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	
479	Phạm Văn Tường	01/09/1995	Nam	Kinh		Đại học	SP Hóa học	Hóa học	THCS Si Ma Cai	Si Ma Cai	TH&THCS Bản Xèo	Bản Xèo	
480	Hoàng Thị Tuyết	25/05/1993	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	
481	Nguyễn Thị Tuyết	18/06/1993	Nữ	Kinh		Đại học	SP Ngữ văn	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	
482	Vi Thị Thu Uyên	27/09/2003	Nữ	Tày	DTTS	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ Văn	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Cẩm Ân	Bảo Ái	
483	Doãn Thanh Uyên	27/09/1985	Nữ	Kinh		Đại học	GD Chính trị	GDCD	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	
484	Lương Thu Uyên	06/07/2000	Nữ	Kinh		Đại học	CNTT (NVSP THCS	Tin học	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	
485	Nguyễn Thị Thu Uyên	27/11/2001	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Lùng Vai	Bản Lầu	TH&THCS Na Lốc	Bản Lầu	
486	Bùi Lê Vân	03/04/1988	Nữ	Kinh		Đại học	Toán học	Toán	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	THCS Quang Trung	Yên Bái	
487	Ninh Kim Vân	05/09/1986	Nữ	Kinh		Đại học	Tiếng Anh (CDSP Tiếng Anh)	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	
488	Đỗ Thị Vân	21/02/2003	Nữ	Kinh		Đại học	Sinh học	Sinh học	PTDTBT THCS Thanh Kim	Bản Hồ	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	
489	Nguyễn Thị Huyền Vân	20/04/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Địa Lý	Địa Lý	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn			
490	Phạm Anh Văn	08/02/1987	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP KHTN	KHTN	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Phúc An	Yên Thành	
491	La Văn Vang	09/02/1991	Nam	Nùng	DTTS	Đại học	SP Sinh học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	
492	Sông A Vi	20/09/1996	Nam	Mông	DTTS	Đại học	SP Địa lý	Địa lý	PT DTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	PT DTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	
493	Đào Hiến Vinh	11/09/2002	Nam	Kinh		Đại học	SP Lịch sử	Lịch sử	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	
494	Trần Long Vũ	25/01/2002	Nam	Kinh		Đại học	SP Toán học	Toán	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	THCS Yên Ninh	Yên Bái	
495	Nguyễn Đông Vụ	21/03/1979	Nam	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	
496	Nguyễn Văn Vui	08/11/1994	Nam	Thái	DTTS	Đại học	Giáo dục chính trị	GDCD	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT TH&THCS Hầu Thào	Tả Van	
497	Triệu Minh Vương	01/12/1987	Nam	Tày	DTTS	Đại học	SP Toán học	Toán	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	THCS Hưng Khánh	Hưng Khánh	
498	Lò Thị Xuân	01/01/2003	Nữ	Thái	DTTS	Đại học	Địa lý	Địa lý	PTDTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chỉ Sơn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	
499	Nguyễn Hải Yến	12/03/1991	Nữ	Kinh		Đại học	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	THCS Cam Đường	Cam Đường	
500	Nguyễn Thị Hải Yến	26/07/2000	Nữ	Kinh		Đại học	SP Hóa học	Hóa học	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh			

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Ghi chú
									Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường	
501	Vũ Thị Yến	05/04/1985	Nữ	Kinh		Đại học	SP Âm Nhạc	Âm Nhạc	TH&THCS số 1 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân			
502	Trần Thị Yến	20/04/1989	Nữ	Kinh		Đại học	Sinh học	Sinh học	TH&THCS Thanh Phú	Mường Bo			

*Danh sách tổng số có 502 người ./.*